TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 8 – 2025
V/v: Xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Xuân Thí.

Ông Mai Văn Ngọc.

Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2025 về việc "Ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; số CCCD: 044197009517 cấp ngày 15/9/2022 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: thôn C, xã B, tỉnh Quảng Trị (xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ); địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố Đ, xã B, tỉnh Phú Thọ (thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cũ). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn T – Luật sư Công ty L3 thuộc đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số A D, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Thành L, sinh năm 1993; số CCCD: 044093001185 cấp ngày 07/11/2021 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: thôn C, xã B, tỉnh Quảng Trị (xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ); hiện cư trú tại: MoldaustraBe4, 10319 – Berlin - G (Cộng hòa liên bang Đ). Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai; đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thành L tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đã kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn và về đánh đập vợ, xúc phạm chị H. Vì vậy, chị quyết định ôm con về nhà mẹ ruột sống. Từ đó, anh L không còn quan tâm đến vợ con. Tháng 02/2023, anh L sang Cộng hòa liên bang Đ làm việc, trong khoảng thời gian sống ly thân, xa nhau, chị H đã cho anh L cơ hội suy nghĩ, thay đổi nhưng anh L vẫn vô trách nhiệm, không quan tâm vợ con. Nên chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thành L.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lê Thành L có 01 con chung tên là Lê Bảo N, sinh ngày 24/3/2016. Nguyện vọng của chị H, sau khi ly hôn chị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2025 của ông Lê Văn L1 là bố ruột của bị đơn anh Lê Thành L: Ông L1 xác nhận hiện tại anh L đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đ. Về việc chị H làm đơn xin ly hôn con trai ông (anh Lê Thành L) ông không có ý kiến gì. Qua liên lạc với anh L, ông có thông báo việc chị H làm đơn ly hôn, anh L có biết việc đó và không có ý kiến gì, đồng ý với yêu cầu của chị H nhưng vì hiện tại anh L lao động tự do tại Cộng hòa Liên bang Đ không thể về Việt Nam tham gia phiên tòa nên xin phép vắng mặt. Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Bảo N, sinh ngày 24/3/2016, hiện đang sống cùng mẹ, anh L không có ý kiến gì; về tài sản chung của vợ chồng, ông bà không có ý kiến gì, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau. Ông cam đoan sẽ có trách nhiệm thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi đến cho anh L biết.

Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa. Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

Bị đơn anh Lê Thành L hiện đang làm việc và cư trú tại MoldaustraBe4, 10319 – B (Cộng hòa liên bang Đ). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Lê Thành L, tuy nhiên cho đến nay vẫn không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh L. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh L tiếp tục không có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H gửi văn bản trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Thành L kết hôn đúng

quy định của pháp luật. Tình trạng hôn nhân của chị H, anh L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng đã hết. Do đó, căn cứ Điều 19; khoản 1, khoản 3 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 6 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Thành L.

- Về việc nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị H, anh L có 01 con chung, cháu Lê Bảo N, sinh ngày: 24/3/2026; hiện nay cháu Bảo N đang sinh sống với chị H tại nhà ông bà ngoại từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, cháu Lê Bảo N đã trên 9 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn, đồng thời căn cứ nguyện vọng của cháu thể hiện trong đơn trình bày nguyện vọng, cháu mong muốn sau khi bố mẹ ly hôn sẽ được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị H. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về giải quyết chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Chị Nguyễn Thi H1, anh Lê Thành L không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt và không có ý kiến phản hồi cho Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn – chị H1 vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; phía bị đơn anh Lê Thành L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các các Điều 51, 56, 81, 82, 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Thành L; về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Bảo N sinh ngày: 24/3/2026 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và không buộc anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị H; về chia tài sản chung, nợ chunng của vợ chồng do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Theo Công văn số 1439/CV-QPA08, ngày 28/5/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) thì anh Lê Thành L đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 29/02/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị H cung cấp địa chỉ của anh L hiện đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đ. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Chị H cung cấp địa chỉ của anh Lê Thành L tại Cộng hòa liên bang Đ: MoldaustraBe4, 10319 – B (Cộng hòa liên bang Đ). Tòa án đã tiến hành phương thức tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua cơ quan Văn phòng Đ1 tại Cộng hòa liên bang Đ để tống đạt và thu thập chứng cứ đối với anh Lê Thành L theo quy định tại khoản 1 Điều 474; Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị cơ quan Đ1 tại Cộng hòa liên bang Đ tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của chị H, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với anh L tại Văn phòng Đ1 tại Cộng hòa liên bang Đ và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này.

Đồng thời tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của bị đơn; tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho người thân của anh Lê Thành L. Thông báo cho anh L biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị H và anh trên Hệ thống phát thanh đối ngoại VOV5 đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 04, 05, 06 tháng 7 năm 2025 nhằm thông báo cho bị đơn biết việc nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nhưng không có kết quả phản hồi của anh L.

[1.3] Toà án đã tiến hành các thủ tục cần thiết, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ đến tham gia tại phiên toà đối với các đương sự nhưng anh Lê Thành L đều vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238; điểm b, c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố dụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Thành L và chị Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Thành L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/10/2015, số: 117/2025, quyển số: 01/2025, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Thành L là hợp pháp. Theo như chị H trình bày thì sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi anh L đi làm ăn ở nước ngoài thì vợ chồng ít liên lạc, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách; anh L không yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ chị H trong cuộc sống hàng ngày. Hiện tại giữa chị H và anh L không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận

yêu cầu của chị H để xử cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Thành L có 01 con chung, cháu tên là Lê Bảo N, sinh ngày 24/3/2016. Nguyện vong của chị H là sau khi ly hôn chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng này cũng phù hợp với bản trình bày nguyện vọng của cháu Lê Bảo N xin được ở với mẹ H, sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, hiện tại anh L đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu N là con gái, hiện nay đang sinh sống với chị H, để bảo đảm sự ổn định, không làm xáo trộn đến đời sống, học tập của con chung. Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Lê Bảo N cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Do chị H không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận sự tự nguyện này của chị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Thành L không phải chịu nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Thành L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Thành L.

2. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 24/3/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo N xin được ở với mẹ sau khi

bố mẹ ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu anh Lê Thành L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005333 ngày 01/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Chị H phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ2 số tiền 5.060.000đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Chị H đã nộp đủ tiền án phí và lệ phí uỷ thác tư pháp.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Thành L không phải chịu nộp.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định. Anh Lê Thành L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Bố Trạch, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Vào hồi giờ phút, ngày 11 tháng 8 năm 2025;
Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết M
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân T1
Ông Mai Văn N1

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2025 về việc xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Châu L2, sinh năm 1995
Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997
Số CCCD: 044197009517
Nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay thôn C, xã B, tỉnh Quảng Trị). Địa chỉ liên hệ: TDP Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay xã B, tỉnh Phú Thọ); Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Dương Văn T – luật sư của công ty L3 thuộc đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số A D, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Bị đơn: Anh Lê Thành L, sinh năm 1993
Số CCCD: 044093001185
Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay thôn C, xã B, tỉnh Quảng Trị). Hiện cư trú tại: MoldaustraBe4, 10319 – B (Cộng hòa liên bang Đ3); vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 3 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 474; Điều 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 57, 58, 121, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Thành L.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. *Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 24/3/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không buộc anh Lê Thành L cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị H do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không xem xét.

4.*Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp:*

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005333 ngày 01/4/2025. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 5.060.000đồng (năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ2. Số tiền này chị H đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo*: Án sơ thẩm xử công khai, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy đinh; anh Lê Thành L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 11 tháng 8 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**